

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I KHỐI 12 NĂM HỌC 2024 – 2025**  
**MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**BÀI 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế**

**\*Khái niệm:**

-Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc. Sự tăng trưởng kinh tế được so sánh với các năm gốc kế nhau được gọi là tốc độ tăng trưởng kinh tế.

-Tăng trưởng kinh tế được đo bằng mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc mức tăng tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời kì nhất định, thường là một năm.

**\*Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:**

- + Tổng sản phẩm quốc nội (GDP);
- + Tổng thu nhập quốc nội bình quân đầu người (GDP/người);
- + Tổng thu nhập quốc dân (GNI);
- + Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).

**2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế**

\* **Khái niệm:** là một quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định, bao hàm sự tăng trưởng kinh tế ổn định và dài hạn, đi liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý và tiến bộ xã hội.

**\*Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế:**

- + Sự tăng trưởng kinh tế (gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người).
- + Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.
- + Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: chỉ số phát triển con người HDI tăng, chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau.

**3. Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế:**

<b>Nội dung</b>	<b>Giải thích</b>	<b>Ví dụ cụ thể tại Việt Nam</b>
<b>Là tiền đề vật chất để giảm nghèo</b>	Tăng trưởng kinh tế tạo ra nhiều cơ hội kinh tế, việc làm và thu nhập, giúp giảm tình trạng đói nghèo.	Tỷ lệ nghèo ở Việt Nam đã giảm từ 58% vào đầu thập kỷ 1990 xuống còn 2,75% năm 2022, nhờ vào sự phát triển kinh tế liên tục.
<b>Tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống</b>	Sự gia tăng thu nhập giúp người dân tiếp cận được các dịch vụ y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng tốt hơn, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống.	Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng lên, với GDP/người đạt 4.160 USD năm 2022, cùng với cải thiện chất lượng hạ tầng và dịch vụ công.

<b>Nội dung</b>	<b>Giải thích</b>	<b>Ví dụ cụ thể tại Việt Nam</b>
<b>Giải quyết việc làm và phân phối thu nhập công bằng hơn</b>	Tăng trưởng kinh tế tạo nhiều việc làm hơn, thu nhập ổn định hơn cho người dân, đồng thời giúp phân phối thu nhập hợp lý giữa các tầng lớp xã hội.	Hàng triệu việc làm mới đã được tạo ra mỗi năm, đặc biệt trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, giúp cải thiện mức sống của người lao động.
<b>Cung cấp nguồn lực cho an ninh quốc phòng và củng cố chính trị</b>	Tăng trưởng kinh tế cung cấp tài nguyên để đầu tư vào an ninh, quốc phòng, tăng cường sức mạnh quốc gia và củng cố hệ thống chính trị.	Việt Nam đã đầu tư mạnh vào quốc phòng, nâng cao vị thế quốc tế, đồng thời củng cố hệ thống chính trị ổn định nhờ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ.
<b>Điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu</b>	Tăng trưởng kinh tế là yếu tố then chốt giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng chậm phát triển, nâng cao vị thế cạnh tranh với các quốc gia khác.	Việt Nam đã chuyển mình từ một quốc gia thu nhập thấp trở thành một nền kinh tế có thu nhập trung bình, nhờ vào quá trình công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế.

#### **4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững**

- Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.
- Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững. Ngược lại, phát triển bền vững tạo điều kiện thuận lợi phát huy các nguồn lực tự nhiên và xã hội để tăng trưởng kinh tế diễn ra mạnh mẽ, bền vững hơn.

## **BÀI 2: HỘI NHẬP, KINH TẾ QUỐC TẾ**

### **1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập, kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

### **2. Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với tất cả các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư.

Đối với các nước đang phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm cho quá trình phát triển của mình.

### **3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo nhiều cấp độ khác nhau. Một quốc gia có thể tham gia hợp tác kinh tế song phương với quốc gia khác, tham gia vào các hoạt động kinh tế với nhiều quốc gia ở cấp độ khu vực, hoặc tham gia hội nhập nền kinh tế thế giới với các tổ chức kinh tế có phạm vi toàn cầu.

Xét theo mức độ liên kết trong hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia có thể tham gia thoả thuận thương mại ưu đãi, hiệp định thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung và liên minh kinh tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện thông qua các hình thức đa dạng của các hoạt động kinh tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ.

### BÀI 3: BẢO HIỂM

#### 1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm.

Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm để được bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Bảo hiểm bao gồm 4 loại hình: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.

#### 2. Vai trò của bảo hiểm

Nội Dung	Mô Tả	Ví Dụ Thực Tế
<b>1. Đối với người tham gia</b>	- Bảo hiểm cung cấp bồi thường, trợ cấp giúp ổn định đời sống và khôi phục sản xuất khi gặp rủi ro.	- Người dân mất nhà do thiên tai nhận tiền bồi thường từ bảo hiểm, giúp họ xây dựng lại nhà cửa và ổn định cuộc sống.
<b>2. Đối với sự phát triển kinh tế</b>	- Bảo hiểm ổn định tài chính, đảm bảo an toàn cho đầu tư, và là kênh huy động vốn phát triển kinh tế xã hội.	- Các doanh nghiệp mua bảo hiểm để bảo vệ tài sản, nhờ đó có thể yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất mà không lo bị tổn thất lớn trong trường hợp rủi ro.
	- Góp phần ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.	- Các công ty bảo hiểm đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế và phí bảo hiểm, tạo điều kiện cho nhà nước thực hiện các chính sách phát triển kinh tế.
<b>3. Đối với xã hội</b>	- Giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống.	- Các chương trình bảo hiểm y tế giúp người dân tiếp cận dịch vụ y tế, từ đó giảm tỷ lệ tử vong và nâng cao sức khỏe cộng đồng.
	- Tạo nếp sống tiết kiệm trong xã hội.	- Khuyến khích người dân mua bảo hiểm tiết kiệm, tạo thói quen tích lũy cho tương lai, như bảo hiểm nhân thọ.
	- Tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.	- Ngành bảo hiểm tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho nhân viên trong lĩnh vực tư vấn, quản lý và phát triển sản phẩm

<b>Nội Dung</b>	<b>Mô Tả</b>	<b>Ví Dụ Thực Tế</b>
		bảo hiểm.
<b>4. Đối với nhà nước</b>	- Là công cụ điều tiết vĩ mô, tạo ra tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế.	- Nhà nước sử dụng dữ liệu từ bảo hiểm để hoạch định chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh các chương trình hỗ trợ cho người dân.
	- Đóng góp vào ngân sách nhà nước, thúc đẩy mối quan hệ kinh tế đối ngoại.	- Việt Nam ký kết các hiệp định hợp tác bảo hiểm với các nước, giúp tăng cường giao lưu kinh tế và thu hút đầu tư nước ngoài.

## **BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI**

### **1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội**

- An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

- Hệ thống chính sách an sinh xã hội hiện nay ở Việt Nam bao gồm: Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

- An sinh xã hội ra đời nhằm bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội, trước những rủi ro trong cuộc sống. Mỗi công dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội, tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### **2. Vai trò của an sinh xã hội**

<b>Đối Tượng</b>	<b>Vai Trò</b>	<b>Mô Tả</b>
<b>1. Đối với đối tượng được hưởng chính sách</b>	- Hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro trong đời sống, sức khỏe, sản xuất kinh doanh và môi trường. - Bảo đảm điều kiện sống tối thiểu.	- Chính sách an sinh xã hội giúp người dân chủ động đối phó với các biến cố và bảo vệ quyền lợi sống tối thiểu. - Trợ giúp xã hội cho những đối tượng yếu thế không có khả năng tạo thu nhập.
<b>2. Đối với sự phát triển kinh tế xã hội</b>	- Nâng cao chất lượng đời sống người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. - Đảm bảo công bằng xã hội và ổn định chính trị.	- Chính sách an sinh xã hội là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.
<b>3. Đối với nhà nước</b>	- Đảm bảo quyền an sinh xã hội của người dân. - Giúp nhà nước giải quyết tốt các vấn đề xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý.	- Hệ thống chính sách xã hội đồng bộ giúp giữ vững ổn định chính trị, xã hội và củng cố quốc phòng an ninh.

